

Số: 160/CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2026

*V/v góp ý dự thảo Nghị định và các Thông tư
hướng dẫn Luật Hải quan*

Kính gửi: Cục Hải quan (Bộ Tài chính)

Phúc đáp công văn số 22054/CHQ-GSQL ngày 22/9/2026 của Cục Hải quan về việc tham gia ý kiến đối với: (i) dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (*sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định*); (ii) dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hải quan, Nghị định số .../2027/NĐ-CP về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và quản lý thuế đối với hàng hóa XK, NK (*sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư 1*); (iii) dự thảo Thông tư ban hành danh mục hàng hóa phải làm thủ tục tại cửa khẩu nhập (*sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư 2*), sau khi nghiên cứu hồ sơ các dự thảo và tổng hợp ý kiến của các doanh nghiệp hội viên, Hiệp hội Chế biến và XK Thủy sản Việt Nam (VASEP) xin có một số ý kiến như sau:

VASEP đánh giá cao nỗ lực của Bộ Tài chính và Cục Hải quan trong việc cụ thể hóa Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tăng cường quản lý rủi ro và ứng dụng dữ liệu điện tử, qua đó tạo thuận lợi cho hoạt động xuất NK của doanh nghiệp. Các dự thảo đã kế thừa nhiều quy định thực tiễn, đồng thời bổ sung các cơ chế mới phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Ngành chế biến, XK thủy sản có những đặc thù cần được cân nhắc khi xây dựng quy định về kiểm tra, quyết toán nguyên liệu, vật tư NK: nguyên liệu mang tính mùa vụ cao; nguyên liệu đồng nhất về chủng loại, quy cách nhưng được thu mua từ nhiều nguồn (NK theo các loại hình khác nhau và mua trong nước) và đưa vào cùng một dây chuyền sản xuất; tỷ lệ thu hồi biến động theo kích cỡ, chất lượng nguyên liệu, dạng sản phẩm và quy cách theo yêu cầu của khách hàng. Qua rà soát, VASEP nhận thấy vẫn còn một số nội dung trong các dự thảo cần tiếp tục làm rõ hoặc điều chỉnh để đảm bảo tính khả thi, thống nhất và phù hợp với đặc thù của ngành thủy sản - lĩnh vực có chuỗi cung ứng phức tạp, nguyên liệu đa dạng về nguồn gốc và chủng loại. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến từ các Doanh nghiệp Hội viên, nhằm bảo đảm các quy định trong các dự thảo vừa đáp ứng yêu cầu quản lý chặt chẽ của cơ quan hải quan, vừa khả thi trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp VASEP xin có một số ý kiến góp ý cụ thể như sau:

I. GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT HẢI QUAN

1. Cần quy định rõ tiêu chí “tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất” khi kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị NK, sản phẩm XK (điểm b khoản 1 Điều 44 dự thảo Nghị định)

a. Nội dung dự thảo: Điểm b khoản 1 Điều 44 dự thảo Nghị định quy định cơ quan Hải quan kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị NK, sản phẩm XK khi:

“a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã NK máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ sản xuất, kinh doanh nhưng không có sản phẩm XK;

b) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân NK nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc XK sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất”.

b. Đề xuất:

- Đề nghị bổ sung cụm từ “*theo tiêu chí do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định*” vào cuối điểm b khoản 1 Điều 44 và giao cho Thông tư hướng dẫn (theo khoản 6 Điều 44) quy định tiêu chí rủi ro khách quan, định lượng để xác định mức “tăng, giảm bất thường”;

- Tiêu chí rủi ro phải tính đến tính mùa vụ, việc thuê gia công, thuê kho và biến động tỷ lệ thu hồi theo nguyên liệu.

- Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp được giải trình trước khi kiểm tra đối với các trường hợp tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 44; đồng thời đề nghị quy định cơ quan hải quan nêu rõ căn cứ bằng văn bản khi không chấp nhận giải trình.

c. Lý do: Sản xuất thủy sản có tính mùa vụ rất cao. Sản lượng nhập, xuất có thể tăng mạnh trong mùa vụ thu hoạch thủy sản hoặc theo các hợp đồng lớn mà không liên quan đến gian lận. Khái niệm “*bất thường*” nếu không có tiêu chí cụ thể sẽ dễ dẫn tới cách hiểu và thực thi khác nhau giữa các Hải quan khu vực, gây rủi ro pháp lý và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

2. Không sử dụng định mức của doanh nghiệp khác làm căn cứ đối chiếu, kết luận khi kiểm tra báo cáo quyết toán (điểm b.3 khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 43 dự thảo Nghị định)

a. Nội dung dự thảo:

Điểm b.3 khoản 1 Điều 43 quy định cơ quan Hải quan kiểm tra báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư NK, sản phẩm XK khi:

“b.3) Định mức thực tế sử dụng có sự chênh lệch bất thường so với định mức thực tế của mặt hàng tương tự của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã XK”;

Điểm d khoản 2 Điều 43 cho phép cơ quan Hải quan:

“d) Kiểm tra đối chiếu định mức thực tế sản xuất do tổ chức, cá nhân đã thông báo với định mức thực tế sản xuất của mặt hàng tương tự của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã XK nếu có điều kiện, dữ liệu kiểm tra”.

b. Đề xuất:

- Bỏ cụm từ “*hoặc tổ chức, cá nhân khác*” tại điểm b.3 khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 43, không dùng định mức của doanh nghiệp khác làm căn cứ độc lập để xác định rủi ro hoặc kết luận sai phạm.

- Trong trường hợp cơ quan hải quan cần có dữ liệu so sánh, dữ liệu này chỉ được dùng làm chỉ báo rủi ro để tham chiếu khi phân tích; kết luận phải căn cứ hồ sơ, quy trình, định mức thực tế và dữ liệu sản xuất của chính doanh nghiệp được kiểm tra.

c. Lý do:

Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng với thủy sản. Tỷ lệ thu hồi phụ thuộc kích cỡ, mùa vụ và chất lượng nguyên liệu, dạng sản phẩm, cách thức chế biến (trimming, glazing,...) và quy cách sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Hai doanh nghiệp cùng sản xuất tôm PD/PUD hoặc cá tra fillet vẫn có thể có định mức hợp lý khác nhau. Nếu lấy định mức của doanh nghiệp khác làm chuẩn sẽ dẫn đến đánh giá sai về hao hụt tự nhiên hoặc tiêu hao nguyên liệu. Ngoài ra, việc sử dụng dữ liệu của doanh nghiệp này để đối chiếu với doanh nghiệp khác còn đặt ra vấn đề bảo mật thông tin sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

II. GÓP Ý DỰ THẢO THÔNG TƯ 1 (THAY THẾ THÔNG TƯ 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC, 121/2025/TT-BTC)

1. Trị giá hải quan hàng hóa XK: xác định chi phí vận tải (F) và bảo hiểm quốc tế (I) khấu trừ (điểm a.1 khoản 1 Điều 20)

a. Nội dung dự thảo: Điểm a.1 khoản 1 Điều 20 quy định:

“a.1) Trị giá hải quan đối với hàng hoá XK là giá thực tế của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất không bao gồm chi phí vận tải quốc tế (F) và chi phí bảo hiểm quốc tế (I), được xác định bằng cách áp dụng tuần tự các phương pháp quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản này và dừng ngay tại phương pháp xác định được trị giá hải quan.”

b. Đề xuất:

Đề nghị có hướng dẫn linh hoạt đối với trường hợp hàng hóa XK theo điều kiện CFR, CIF mà doanh nghiệp không thể tách riêng được chi phí F và I tại thời điểm khai báo hải quan, theo đó quy định lại theo hướng cho phép người khai hải quan, trong trường hợp bán hàng theo điều kiện CFR, CIF mà giá bán chưa tách riêng chi phí F, I, thì được phép xác định F, I dựa trên chứng từ sẵn có tại thời điểm đăng ký tờ khai (hợp đồng, xác nhận đặt chỗ, bảng cước hoặc báo giá của hãng vận chuyển, hợp đồng bảo hiểm hoặc biểu phí bảo hiểm) thì không phải khai bổ sung khi có hóa đơn cước thực tế sau khi hàng lên tàu, trừ trường hợp chênh lệch vượt ngưỡng chấp nhận do Thông tư quy định.

c. Lý do:

Khi chào bán giá CFR, CIF, không phải doanh nghiệp nào cũng tách được riêng chi phí F và I trong giá bán. F và I chính xác chỉ biết khi hàng đã lên tàu và hãng tàu, đơn vị bảo hiểm xuất hóa đơn, trong khi tờ khai hải quan phải được khai trước khi hàng lên tàu, có khi vài ngày. Yêu cầu khấu trừ F, I tại thời điểm đó gây khó khăn cho doanh nghiệp XK và có nguy cơ phát sinh sai khác số liệu không nhằm mục đích gian lận. Nếu bắt buộc phải khai bổ sung mà không cho phép giá trị chi phí F, I được dao động nằm trong phạm vi chênh lệch nhất định thì lô hàng nào cũng sẽ phải khai bổ sung, tạo thêm gánh nặng cho doanh nghiệp.

2. Quản lý chung nguyên liệu đồng nhất từ nhiều nguồn và xây dựng một định mức cho một mã sản phẩm (khoản 1 Điều 64)

a. Nội dung dự thảo:

Khoản 1 Điều 64 của dự thảo quy định:

“1. Định mức thực tế sản xuất là lượng nguyên liệu, vật tư thực tế đã sử dụng để gia công, sản xuất một đơn vị sản phẩm XK ...”

Tuy nhiên, dự thảo chưa nêu rõ trường hợp một mã sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu giống nhau về kỹ thuật nhưng thuộc các loại hình hải quan khác nhau hoặc từ nguồn được mua trong nước.

b. Đề xuất:

Bổ sung vào cuối khoản 1 Điều 64:

“Trường hợp một mã sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư cùng loại hoặc có khả năng thay thế tương đương nhưng có nhiều nguồn nhập kho, nhiều loại hình NK hoặc có một phần được mua trong nước, tổ chức, cá nhân được xây dựng một định mức thực tế sản xuất cho mã sản phẩm đó. Định mức thực tế phải phản ánh tổng lượng từng mã nguyên liệu, vật tư thực tế sử dụng để sản xuất một đơn vị sản phẩm. Số lượng thuộc từng nguồn và từng loại hình hải quan được xác định trên cơ sở hệ thống kế toán, hệ thống quản trị sản xuất, chứng từ nhập, xuất kho, lệnh sản xuất và phương pháp phân bổ hợp lý, được áp dụng nhất quán của tổ chức, cá nhân.”

c. Lý do:

Trong ngành thực phẩm và nông sản, thủy sản, nguyên liệu đồng nhất thường được lưu chứa chung trong kho và cung cấp liên tục vào cùng một dây chuyền. Việc yêu cầu doanh nghiệp phải tạo mã thành phẩm hoặc định mức riêng chỉ vì nguyên liệu khác nguồn không phản ánh đúng hoạt động sản xuất thực tế và phát sinh gánh nặng không cần thiết về hệ thống, kho bãi và đối chiếu số liệu.

3. Theo dõi nguyên liệu theo nguồn và loại hình không đồng nghĩa với tách biệt vật lý (điểm a khoản 3 Điều 69)

a. Nội dung dự thảo:

Điểm a khoản 3 Điều 69 quy định nguyên liệu, vật tư được theo dõi theo nguồn nhập kho (NK hoặc mua trong nước) và theo từng loại hình hải quan trên sổ kế toán chi tiết; chưa làm rõ doanh nghiệp có được quản lý chung về mặt vật chất và áp dụng phương pháp phân bổ đối với nguyên liệu đồng nhất hay không

“Tổ chức, cá nhân có hoạt động gia công, sản xuất hàng hóa XK có trách nhiệm quản lý và theo dõi nguyên liệu, vật tư NK, sản phẩm XK từ khi NK, trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm được XK hoặc thay đổi mục đích sử dụng, xử lý phế liệu, phế phẩm, nguyên liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị, sử dụng nguyên liệu, vật tư NK để gia công, sản xuất hàng hóa XK tiết kiệm được trong quá trình sản xuất theo quy định pháp luật trên Hệ thống sổ kế toán theo các quy định về chế độ kế toán của Bộ Tài chính và theo nguồn nhập kho (NK hoặc mua trong nước). Nguyên liệu, vật tư có nguồn gốc NK được theo dõi chi tiết theo

từng loại hình trong kỳ (nhập gia công, nhập sản xuất XK, nhập kinh doanh, nhập lại nguyên vật liệu sau sản xuất...) đã khai trên tờ khai hải quan và chứng từ nhập kho trong kỳ.”

b. Đề xuất:

Bổ sung vào cuối điểm a khoản 3 Điều 69:

“Việc theo dõi theo nguồn và loại hình hải quan không được hiểu là bắt buộc tổ chức, cá nhân phải tách biệt hoặc vận hành dây chuyền sản xuất riêng đối với nguyên liệu, vật tư có cùng mã, cùng chủng loại, cùng tiêu chuẩn kỹ thuật và có khả năng thay thế tương đương trong sản xuất.

Các nguyên liệu, vật tư này được phép lưu chứa hoặc quản lý chung về mặt vật chất, với điều kiện tổ chức, cá nhân duy trì sổ kế toán, sổ kho, dữ liệu quản trị sản xuất hoặc bảng đối chiếu bổ trợ có khả năng xác định số lượng nhập, xuất, tồn cuối kỳ và số lượng đã sử dụng theo từng nguồn và từng loại hình hải quan.

Trường hợp không còn khả năng nhận diện riêng biệt, số lượng sử dụng theo từng nguồn được xác định theo lô sản xuất hoặc lệnh sản xuất, dữ liệu xuất kho thực tế, phương pháp nhập trước – xuất trước, bình quân gia quyền hoặc tỷ lệ của từng nguồn được đưa vào sản xuất trong kỳ báo cáo.

Phương pháp được lựa chọn phải quy định trong quy trình kiểm soát nội bộ, áp dụng nhất quán trong năm tài chính, có dữ liệu kiểm chứng và không làm tăng số lượng được miễn thuế NK, hoàn thuế hoặc không thu thuế vượt quá số lượng thực tế đã NK và sử dụng để sản xuất sản phẩm XK.”

c. Lý do:

Với nguyên liệu đồng nhất có khả năng thay thế lẫn nhau, việc truy xuất chính xác nguồn gốc sau khi phối trộn hoặc đưa vào sản xuất liên tục là không khả thi. Mục tiêu kiểm soát hải quan vẫn được bảo đảm nếu số lượng nhập, xuất, sử dụng, tồn kho theo từng nguồn có thể kiểm tra trên hệ thống kế toán, quản trị sản xuất, đồng thời không làm tăng số lượng được miễn thuế, hoàn thuế hoặc không thu thuế.

4. Làm rõ loại hình XK của thành phẩm sản xuất từ nhiều nguồn nguyên liệu (điểm a.2 khoản 6 Điều 70)

a. Nội dung dự thảo:

Điểm a.2 khoản 6 Điều 70 của Dự thảo cho phép sản phẩm được sản xuất kết hợp từ nguyên liệu, vật tư NK theo loại hình gia công, sản xuất XK; NK kinh doanh và nguyên liệu có nguồn gốc trong nước, nhưng chưa làm rõ loại hình XK của thành phẩm trong trường hợp này.

“6. Thủ tục XK sản phẩm gia công XK, sản xuất hàng hóa XK

a) Sản phẩm XK được quản lý theo loại hình sản xuất XK gồm:

...

a.2) Sản phẩm sản xuất được kết hợp từ các nguồn sau:

a.2.1) Nguyên liệu, vật tư NK theo loại hình gia công, sản xuất XK;

a.2.2) Nguyên liệu, vật tư NK theo loại hình NK kinh doanh;

a.2.3) Nguyên liệu, vật tư có nguồn gốc trong nước.”

b. Đề xuất:

Bổ sung vào cuối điểm a.2 khoản 6 Điều 70:

“Việc sản phẩm được sản xuất từ sự kết hợp của nguyên liệu, vật tư thuộc nhiều nguồn khác nhau không tự làm thay đổi loại hình hải quan XK áp dụng đối với thành phẩm. Tổ chức, cá nhân khai loại hình XK phù hợp với mục đích XK; đồng thời thực hiện hạch toán, báo cáo riêng và áp dụng việc hoàn thuế, không thu thuế hoặc chính sách thuế có liên quan đối với số lượng nguyên liệu, vật tư thuộc từng nguồn và từng loại hình hải quan trên cơ sở hồ sơ và dữ liệu quản lý thực tế.”

c. Lý do:

Kiến nghị không nhằm thay đổi nghĩa vụ quản lý từng nguồn nguyên liệu, mà nhằm tách bạch loại hình XK của thành phẩm với chính sách thuế áp dụng cho từng nguồn đầu vào. Thành phẩm được khai theo mục đích XK, còn phần nguyên liệu thuộc từng nguồn vẫn được hạch toán, báo cáo và xử lý thuế riêng theo hồ sơ thực tế.

5. Kiểm tra định mức và phương pháp phân bổ khi kiểm tra báo cáo quyết toán (điểm c khoản 4 Điều 69)

a. Nội dung dự thảo:

Theo điểm c khoản 4 Điều 69, Cơ quan Hải quan được quyền đối chiếu định mức thực tế do doanh nghiệp thông báo với “định mức thực tế của các mã hàng tương tự đã XK, định mức thực tế của cùng ngành hàng”:

“c) Nội dung kiểm tra: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số/2027/NĐ-CP, cụ thể:

...Kiểm tra đối chiếu định mức thực tế sản xuất do tổ chức, cá nhân đã thông báo với định mức thực tế của các mã hàng tương tự đã XK, định mức thực tế của cùng ngành hàng để xác định định mức thực tế sản xuất phù hợp hoặc không phù hợp với sản phẩm XK khi hệ thống có chức năng hỗ trợ hoặc có thông tin từ các Hiệp hội ngành hàng. ...”

b. Đề xuất:

- Thống nhất với đề xuất tại mục 2 Phần I nêu trên: không dùng định mức của doanh nghiệp khác hoặc định mức bình quân ngành làm căn cứ trực tiếp để bác định mức thực tế do doanh nghiệp tự xây dựng. Định mức phải được xác định chủ yếu trên cơ sở công nghệ, máy móc, thiết bị, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình và điều kiện sản xuất thực tế của riêng từng doanh nghiệp.
- Dữ liệu so sánh của ngành hàng, hệ thống chỉ mang giá trị tham khảo, không được xem là căn cứ duy nhất hoặc mang tính quyết định để kết luận định mức khai báo không phù hợp.

Do vậy, đề nghị bổ sung vào cuối điểm c khoản 4 Điều 69: “*Trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng nguyên liệu, vật tư cùng mã, cùng chủng loại và cùng tiêu chuẩn kỹ thuật từ nhiều nguồn, đồng thời áp dụng phương pháp xác định hoặc phân bổ theo điểm a*

khoản 3 Điều này, cơ quan hải quan kiểm tra tính hợp lý, nhất quán và khả năng kiểm tra của phương pháp đó trên cơ sở đối chiếu tổng số lượng nhập, xuất, tồn kho, đưa vào sản xuất và cấu thành trong sản phẩm XK. Số liệu báo cáo quyết toán và việc áp dụng miễn thuế, hoàn thuế hoặc không thu thuế tương ứng không bị bác bỏ chỉ vì nguyên liệu, vật tư không được tách biệt về mặt vật chất, nếu tổ chức, cá nhân chứng minh được số lượng thuộc từng nguồn bằng hệ thống kế toán, hệ thống quản trị sản xuất và chứng từ có liên quan.”

c. Lý do:

Nếu không có nguyên tắc kiểm tra cụ thể, cùng một tình huống có thể bị đánh giá khác nhau, và báo cáo quyết toán có khả năng đối chiếu đầy đủ vẫn có thể bị bác bỏ chỉ vì doanh nghiệp không thể truy xuất từng ki-lô-gam nguyên liệu đến từng nguồn hải quan. Trọng tâm kiểm soát phù hợp là tính hợp lý, nhất quán và khả năng kiểm tra của phương pháp phân bổ so với tổng lượng nhập, xuất, tiêu hao sản xuất, tồn cuối kỳ và sản lượng XK.

III. DỰ THẢO THÔNG TƯ 2 (DANH MỤC HÀNG HÓA PHẢI LÀM THỦ TỤC TẠI CỬA KHẨU NHẬP)

Qua tổng hợp ý kiến từ các doanh nghiệp hội viên, VASEP chưa ghi nhận vướng mắc liên quan đến dự thảo Thông tư số 2 đối với các mặt hàng thủy sản và nhất trí với nội dung dự thảo. Hiệp hội sẽ tiếp tục phản ánh nếu phát sinh vướng mắc trong quá trình doanh nghiệp nghiên cứu, áp dụng.

Hiệp hội VASEP đề nghị Quý Cục và Ban Soạn thảo quan tâm, cân nhắc kỹ lưỡng các đề xuất, góp ý và kiến nghị từ cộng đồng DN để sửa đổi, hoàn thiện hoàn thiện dự thảo Nghị định và các Thông tư hướng dẫn Luật Hải quan, hướng tới mục tiêu vừa bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan, chống thất thu thuế, vừa giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VCCI;
- Ban Thường vụ HH;
- BCH & BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ



Nguyễn Hoài Nam